TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 181/2022/DS-PT Ngày: 20/ 5/ 2022 V/v "Tranh chấp chia thừa kế QSDĐ".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.
- Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi
Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 20/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp chia thừa kế QSDĐ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2022/DS-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện thanh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1939.
Địa chỉ cư trú: Số A, ấp A, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1958.
Địa chỉ cư trú: Số A, ấp A, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị D: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; địa chỉ: Số A, ấp A, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Văn Lẫm là luật sư của Văn phòng luật sư Trần Thanh - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.
Địa chỉ: Quốc Lộ 30, khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện

Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Số A, ấp A, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng: Ông Võ Quang S, sinh năm 1967; địa chỉ: Số A, ấp A, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Danh: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 687, ấp Trung, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020).

2. Ông Võ Quang S, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Số 119, ấp Tân Bình Hạ, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

4. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1970.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

5. Anh Võ Quốc T, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Số A, ấp A, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

6. Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1988.

7. Anh Võ Thanh Đ, sinh năm 1989.

8. Anh Võ Thanh N, sinh năm 1994.

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Văn Đ, anh Võ Thanh Đ, anh Võ Thanh N: Ông Võ Quang S, sinh năm 1967 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020).

Cùng địa chỉ cư trú: Số A, ấp A, xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là Bà Phạm Thị K và bà Phạm Thị D là nguyên đơn của vụ án.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 28/01/2022.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự, bà K, bà D ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Cụ Phạm Văn Rùm, sinh năm 1920, chết năm 1998, cụ Rùm có hai vợ là cụ Nguyễn Thị Ảnh, sinh năm 1922, chết năm 2012 và cụ Huỳnh Thị Ý, sinh năm 1936, chết năm 2019.

Cụ Rùm và cụ Ảnh sống chung với nhau trước năm 1963 có 04 người con gồm: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1939, bà Phạm Thị Rảnh, sinh năm 1941 (đã chết, không rõ thời gian), bà Phạm Thị Danh, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị Dự, sinh năm 1958.

Cụ Rùm và cụ Ý chung sống với nhau từ năm 1963 không có con chung, chỉ có 01 người con nuôi là bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng, sinh năm 1967.

Trong quá trình chung sống cụ Rùm và cụ Ý tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất gồm: Thửa số 129, tờ bản sồ 02, diện tích 4.061 m^2; thửa số 80, tờ bản đồ 02, diện tích 4.181 m^2; thửa đất số 216, tờ bản đồ 02, diện tích 10.413m^2; thửa số 1412, tờ số 02, diện tích 2.600m^2; thửa số 237, tờ bản đồ số 2, diện tích 10.000m^2; thửa số 485, tờ bản đồ số 1, diện tích 910m^2 và thửa số 494, tờ bản đồ số 01, diện tích 1400m^2, tổng diện tích là 33.505m^2, cùng tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp ngày 01/03/1994.

Ngoài ra, sau khi cụ Rùm chết, cụ Ý còn sử dụng tài sản chung của cụ Rùm và cụ Ý để nhận chuyển nhượng diện tích 17.765m^2, (không xác định được số thửa số tờ bản đồ). Thời điểm trước khi cụ Ý chết, cụ Ý có quản lý hai sổ tiết kiệm với số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Sau đó, cụ Ý đã chuyển toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm nêu trên cho Võ Văn Đ và Võ Thanh Đ (là con trai bà Hưng). Bà Hưng, anh Đ và anh Đ có công chăm sóc cụ Rùm, cụ Ý nên bà K, bà Dự đồng ý để cho bà Hưng, anh Đ và anh Đ được sở hữu diện tích 17.765m^2 và số tiền tiết kiệm là 2.000.000.000 đồng.

Đối với di chúc do ông Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/05/1998 nhưng được chứng thực vào ngày 10/05/1999, sau ngày cụ Rùm chết nên tờ di chúc trên là không hợp pháp.

Đối với các thửa số 485, tờ bản đồ số 01, diện tích 910m^2 và thửa số 494, tờ bản đồ số 01, diện tích 1400m^2 đã chuyển nhượng và tặng cho, cho người khác nên bà K và bà Dự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự yêu cầu chia thừa kế cụ thể như sau:

- Bà Phạm Thị K yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất là thửa đất số 216 tờ bản đồ số 02, diện tích 10.413m^2, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên.

- Bà Phạm Thị Dự yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất là thửa số 237 tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m^2 , tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng được chia thừa kế quyền sử dụng đất là thửa số 129 tờ bản đồ số 02, diện tích 4.061m^2; thửa số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.181m^2 và thửa số 1412, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.600m^2 cùng tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên.

- Bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự yêu cầu tuyên bố Tờ di chúc của ông Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/5/1998 là vô hiệu.

- Bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự không đồng ý theo yêu cầu độc lập của anh Võ Văn Đ.

Bị đơn Huỳnh Thị Mỹ Hưng, bà Hưng ủy quyền cho ông Võ Quang S trình bày:

Bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng, thống nhất cụ Phạm Văn Rùm, sinh năm 1920, chết năm 1998, cụ Rùm có hai vợ là cụ Nguyễn Thị Ảnh, sinh năm 1922, chết năm 2012 và cụ Huỳnh Thị Ý, sinh năm 1936, chết năm 2019 .

Cụ Rùm và cụ Ảnh chung sống với nhau trước năm 1963 có 04 người con gồm: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1939, bà Phạm Thị Rảnh, sinh năm 1941 (đã chết, không rõ thời gian), bà Phạm Thị Danh, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị Dự, sinh năm 1958.

Cụ Rùm và cụ Ý chung sống với nhau từ năm 1963 không có con chung, chỉ có một người con nuôi là bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng, sinh năm 1967.

Giữa cụ Rùm và cụ Ý không có tài sản chung. Trong khoảng thời gian chung sống thì tài sản của người nào thì người đó quản lý và đứng tên, cụ thể: Phần đất cụ Rùm quản lý khoảng 35 công đất, khoảng trước năm 1990 cụ Rùm đã phân chia cho cụ Ảnh và các con, cụ thể: Chia cho bà K 01 mẫu (mẫu 7 công, tương đương khoảng 9.000m^2/mẫu), bà Rãnh 01 mẫu, bà Danh 01 mẫu, bà Dự 01 mẫu và cụ Ảnh 01 mẫu; phần đất cụ Ý quản lý là 33.505m^2 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/1994, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên.

Sau khi được cụ Rùm chia đất, đến khoảng năm 1990 cụ Ảnh và các con đã chuyển nhượng lại toàn bộ phần đất trên, cụ thể: Phần đất của bà K và bả Rãnh chuyển nhượng lại cho ông S diện tích 5.000m^2, cụ Ý diện tích 10 công là hết 02 mẫu chia cho bà K, bà Rãnh; phần đất của bà Danh đã chuyển nhượng toàn bộ cho người khác; phần đất của bà Dự và Ảnh chuyển nhượng lại cho ông S diện tích 3.000m^2, ông Phụng (không rõ họ, tên và nơi cư trú) diện tích 3.000m^2 và cụ Rùm diện tích 10 công là hết 02 mẫu chia cho bà Dự và cụ Ảnh.

Nguồn gốc các thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/3/1994, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên, cụ thể:

- Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.061m^2 (do cụ Ý nhận chuyển nhượng của người khác); thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.181m^2 (do cụ Ý thừa kế từ cho mẹ cụ Ý để lại); thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.413m^2 (do cụ Ý nhận chuyển nhượng của người khác); thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.600m^2, (do cụ Ý nhận chuyển nhượng của người khác); thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m^2, (do cụ Ý nhận chuyển nhượng của bà K và bà Dự). Các thửa đất nêu trên hiện nay, do bà Hưng quản lý, sử dụng.

- Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 01, diện tích 910m^2 và thửa đất số 494, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.400m^2 do cụ Ý nhận chuyển nhượng của người khác. Hiện nay, bà Hưng đang tranh chấp với chị Trúc và anh Hải (cháu họ cụ Ý), do chị Trúc và anh Hải xác định các thửa đất trên cụ Ý đã cho chị Trúc và anh Hải nên bà Hưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với Tờ di chúc của cụ Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/05/1998 thời điểm cụ Rùm còn minh mẫn, việc lập di chúc của cụ Rùm không có ai tranh chấp nên Tờ di chúc trên là hợp pháp.

Vì vậy, bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng không đồng ý theo yêu cầu của bà Phạm Thị K và bà Phạm Thị Dự.

- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng đồng ý với yêu cầu độc lập của anh Võ Văn Đ, cụ thể:

+ Công nhận tờ di chúc của ông Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/05/1998 là hợp pháp.

+ Đồng ý để cho anh Võ Văn Đ được thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Ý chết để lại gồm: Thửa đất số 216 tờ bản đồ số 02, diện tích 10.413m^2 ; thửa số 237 tờ bản đồ số 02, diện tích 10.000m^2; thửa số 129 tờ bản đồ số 02, diện tích 4.061m^2; thửa số 80, tờ bản đồ số 01, diện tích 4.181m^2 và thửa số 1412, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.600m^2, cùng tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Danh, bà Danh ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bà Phạm Thị Danh thống nhất với lời trình bày của bà K và bà Dự. Bà Danh từ chối nhận di sản của cụ Rùm và cụ Ý chết để lại. Việc tranh chấp thừa kế tài sản giữa bà K, bà Dự và bà Hưng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quang S trình bày:

Ông Võ Quang S thống nhất với ý kiến của bà Hưng. Ông S không đồng ý theo yêu cầu của bà K và bà Dự. Ông S đồng ý với yêu cầu độc lập của anh Võ Văn Đ là công nhận tờ di chúc của ông Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/05/1998 là hợp pháp và công nhận cho anh Võ Văn Đ được thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Ý chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Bình trình bày:

Ông Nguyễn Văn Bình không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự và bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng về việc phân chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Thị Ý để lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Sơn trình bày:

Việc tranh chấp giữa bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự và bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng về việc phân chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Thị Ý để lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc T trình bày:

Anh Võ Quốc T không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự và bà Huỳnh Thị Mỹ Hưng về việc phân chia thừa kế d sản là quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Thị Ý để lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn Đ, anh Đ ủy quyền cho ông Võ Quang S trình bày:

- Anh Võ Văn Đ yêu cầu công nhận Tờ di chúc của ông Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/5/1998 là hợp pháp.

- Anh Võ Văn Đ yêu cầu được thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Ý chết để lại, cụ thể:

+ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 34 và thửa đất số 52, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 4.627,1m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M15, M16, M17, M18, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 7), diện tích 4.293,4 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 02, (nay là các thửa số 88, thửa số 115, thửa số 117, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 12.997,5m^2, loại đất trồng lúa , tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M26, M27, M28, M29, M30, M31, M32 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 (nay là các thửa số 181, thửa số 195, thửa số 201, cùng tờ bản đồ số 7; thửa số 96, thửa số 111, thửa số 114, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 11.114,3m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M38, M39, M40, M41, M42, M43, M44, M45, M46, M47, M48, M49, M50, M51, M52, M53, M54, M55, M56, M57, M58 và M38 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh Nam, anh Võ Thanh Đ, anh Nam, anh Đ ủy quyền cho ông S trình bày:

Anh Võ Thanh Nam và anh Võ Thanh Đ thống nhất với ý kiến của bà Hưng. Anh Nam và anh Đ không đồng ý theo yêu cầu của bà K và bà Dự. Anh Nam và anh Đ đồng ý với yêu cầu độc lập của anh Võ Văn Đ là công nhận tờ di chúc của ông Phạm Văn Rùm lập vào ngày 09/05/1998 là hợp pháp và công nhận cho anh Võ Văn Đ được thừa kế quyền sử dụng đất do cụ Ý chết để lại.

Người làm chứng ông Phan Văn Bé trình bày: Ông Bé có ký tên vào Tờ di chúc ngày 09/5/1998. Theo đó, cần công nhận cho anh Đ hưởng di sản thừa kế theo ý chí của cụ Rùm.

Người bảo vệ quyền và lợi, ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 89/2021/DS-ST ngày 30/12/2021, Toà án nhân dân huyện Thanh Bình đã tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K, bà Phạm

Thị Dự.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của anh Võ Văn Đ.

Công nhận cho anh Võ Văn Đ được quyền sử dụng đất đối với các thửa đất gồm:

+ Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 34 và thửa đất số 52, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 4.627,1m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M15, M16, M17, M18, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 7), diện tích 4.293,4 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 02, (nay là các thửa số 88, thửa số 115, thửa số 117, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 12.997,5m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M26, M27, M28, M29, M30, M31, M32 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 (nay là các thửa số 181, thửa số 195, thửa số 201, cùng tờ bản đồ số 7; thửa số 96, thửa số 111, thửa số 114, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 11.114,3m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M38, M39, M40, M41, M42, M43, M44, M45, M46, M47, M48, M49, M50, M51, M52, M53, M54, M55, M56, M57, M58 và M38 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

Anh Võ Văn Đ được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản định giá tài sản ngày 17/6/2020, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2020 và Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

Về án phí: Bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị Dự được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 56.594.000 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi tư nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.342.000 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007000 ngày 28/12/2020 và số tiền 2.925.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001327 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy,

anh Đ còn phải nộp thêm số tiền là 28.327.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Chí phí tố tụng: Bà K, bà Dự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 17/6/2020 là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); chi phí Hợp đồng đo đạc là 44.538.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng), tổng cộng là 45.538.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng), do bà K và bà Dự nộp tạm ứng và chi xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/01/2022, bà Phạm Thị K và bà Phạm Thị Dự có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các bà.

Ngày 28/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 89/2021/DS-ST theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dự; chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đ, bà Hưng và ông S cho bà Dự 02 công tầm cắt tại thửa 129, tờ bản đồ số 02; đình chỉ đối với thửa 485 và 494 do nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Đại diện hợp pháp của bà Khoảng và bà Khoảng có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo; đối với bà Dự đã thỏa thuận được toàn bộ yêu cầu của bà Dự với phía bị đơn

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến vẫn nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của bà Dự với đại diện hợp pháp của bà Hưng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với nguyên đơn Phạm Thị K, thì tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà K (ông Nguyễn Văn Đ) đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà K. Hội đồng xét xử xét thấy: việc rút toàn bộ kháng cáo này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà K; phần quyết định của bản án sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của bà K có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: tổng cộng số tiền là 45.538.000 đồng (Bốn mươi lăm

triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng), do bà K và bà Dự nộp tạm ứng và chi xong. Tại phiên tòa do thỏa thuận được giải quyết vụ án nên các đương sự đồng ý chia 3 đối với số tiền trên. Tuy nhiên bà K có đơn trình bày số tiền nộp chi phí là của bà Dự nên đồng ý để bà Dự nhận. Như vậy anh Võ Văn Đ phải trả lại cho bà Phạm Thị Dự số tiền là 15.179.000 đồng.

[2] Đối với bà Phạm Thị Dự, thì tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà Dự (ông Nguyễn Văn Đ) và đại diện hợp pháp của bà Hưng (ông S) đã thỏa thuận được toàn bộ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của bà Dự đối với bà Hưng. Theo đó, bà Dự chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với bà Hưng là được chia thửa 129, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.627,1m^2; đất do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên quyền sử dụng đất; phía bà Hưng đồng ý chia thừa kế và giao cho bà Dự toàn bộ thửa đất nói trên. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận trên giữa các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu vẫn giữ nguyên kháng nghị, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử kháng cáo của bà Phạm Thị K; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Dự; công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của bà Dự và đại diện hợp pháp của bà Hưng; sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện Thanh Bình. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Ngoài ra, đối với nội dung kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế của bà K và bà Dự về 02 thửa đất 485 và 494, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng nghị này là có căn cứ vì: theo hồ sơ vụ án thì tại cấp sơ thẩm, bà K và Dự đã tự nguyện rút yêu cầu chia thừa kế đối với bị đơn về 02 trên đất này, nhưng khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế 02 thửa 485 và 494 của các nguyên đơn là chưa triệt để vụ án; tuy nhiên đây không phải là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chỉ cần sửa án sơ thẩm theo đó bổ sung nội dung đình chỉ xét xử sơ thẩm như nhận định trên.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại cho phù hợp.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Khoảng, bà Dự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148 và khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 203 luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị K.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp và một phần kháng cáo của bà Phạm Thị D.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 89/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K đối với bà Huỳnh Thị Mỹ H về việc yêu cầu được chia thừa kế quyền sử dụng đất là thửa đất số 216 tờ bản đồ số 02, diện tích 10.413m^2, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, do cụ Huỳnh Thị Ý đứng tên.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D.

Công nhận thỏa thuận giữa bà Phạm Thị D (do ông Đ đại diện) với bà Hưng (do anh S đại diện): bà H đồng ý chia thừa kế và giao cho bà Dự thửa đất số 129, tờ bản đồ số số 02 (nay là thửa đất số 34 và thửa đất số 52, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 4.627,1m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (hiện còn do bà Ý đứng tên QSDĐ), trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M15, M16, M17, M18, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

Bà D có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của anh Võ Văn Đ. Công nhận cho anh Võ Văn Đ được quyền sử dụng đất đối với các thửa đất gồm:

+ Thửa đất số 80, tờ bản đồ số 02 (nay là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 7), diện tích 4.293,4 m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 1412, tờ bản đồ số 02, (nay là các thửa số 88, thửa số 115, thửa số 117, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 12.997,5m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8,

M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M21, M22, M23, M24, M25, M26, M27, M28, M29, M30, M31, M32 và M1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

+ Thửa đất số 237, tờ bản đồ số 02 (nay là các thửa số 181, thửa số 195, thửa số 201, cùng tờ bản đồ số 7; thửa số 96, thửa số 111, thửa số 114, cùng tờ bản đồ số 8), diện tích 11.114,3m^2, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Tân Huề, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi các mốc M38, M39, M40, M41, M42, M43, M44, M45, M46, M47, M48, M49, M50, M51, M52, M53, M54, M55, M56, M57, M58 và M38 theo Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình.

Anh Võ Văn Đ được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản định giá tài sản ngày 17/6/2020, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2020 và Sơ đồ đo đạc ngày 17/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia thừa kế của bà K và bà Dự đối với bà Hưng về thửa đất số 485 và 494, tờ bản đồ số 02.

- *Về án phí:* Bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Võ Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 54.607.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.342.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007000 ngày 28/12/2020 và số tiền 2.925.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001327 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, anh Đ còn phải nộp 26.340.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

- *Chí phí tố tụng:* Bà K, bà D đã nộp tổng cộng là 45.538.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng), do bà K và bà Dự nộp tạm ứng và chi xong nên anh Võ Văn Đ trả lại cho bà Phạm Thị Dự số tiền 15.179.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm bảy mươi chín ngàn đồng)

- Về án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị Khoảng và bà Phạm Thị Dự không phải nộp.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy